

VỀ MỘT SỐ THỦ LĨNH AN NAM THỜI THUỘC ĐƯỜNG

PHẠM LÊ HUY*

Từ trước đến nay, phần lớn các nghiên cứu về chính trị thời kỳ Bắc thuộc thường tập trung vào việc khắc họa những cuộc nổi dậy của người Việt chống lại ách thống trị của phong kiến Trung Quốc. Tuy nhiên, nếu quan sát lịch sử như là một dòng chảy liên tục, chúng ta thấy rằng trong nhiều giai đoạn, đã có một số thủ lĩnh địa phương ra làm việc cho bộ máy thống trị của chính quyền đô hộ. Đối với những trường hợp này, không thể vội vàng đánh giá họ không yêu nước hay thiếu tinh thần tự chủ. Bỏ qua nghiên cứu về những thủ lĩnh dạng này, sẽ khó có được cái nhìn toàn diện và thực tế về cấu trúc chính trị-xã hội đương thời, đồng thời cũng không thể lý giải được mạch ngầm tồn tại và phát triển của các thế lực địa phương mà sau này sẽ đóng vai trò quan trọng đưa đất nước thoát khỏi nghìn năm Bắc thuộc.

Ngoài ra, trong các nghiên cứu trước đây, các nguồn tư liệu ngoài chính sử nhưng có độ tin cậy cao như *Man thư*, *Đường hội yếu*, *Tư trị thông giám*, nguồn tài liệu kim thạch văn cũng chưa được khai thác một cách triệt để.

Trong bài viết này, chúng tôi cố gắng tận dụng các nguồn tư liệu trên để tìm hiểu hoạt động của một số thủ lĩnh địa phương thời thuộc Đường, đặc biệt là thủ lĩnh các châu ki mi miền núi và trung du trong giai đoạn cuối thế kỷ VIII, đầu thế kỷ IX. Thông

qua đó, chúng tôi muốn làm rõ tính chất cát cứ-tự trị địa phương, quá trình xây dựng, phát triển và bảo toàn lực lượng của tầng lớp thủ lĩnh địa phương trong giai đoạn này.

1. Về thủ lĩnh Đỗ Anh Sách

Thủ lĩnh địa phương đầu tiên mà chúng tôi muốn đề cập trong bài viết này là Đỗ Anh Sách. Liên quan đến Đỗ Anh Sách, chúng ta có được những thông tin rất quý giá từ *Man thư*, một nguồn sử liệu có giá trị cao về tình hình An Nam cuối thế kỷ VIII, đầu thế kỷ IX. Như chúng ta đã biết, Phan Xước, tác giả *Man thư*, vốn là liêu thuộc của An Nam Đô hộ Sái Tập, sang An Nam năm Hàm Thông 3 (862). Sau khi phủ thành đô hộ thất thủ vào tay quân đội Nam Chiếu tháng Giêng năm Hàm Thông 4, Phan Xước đã dốc sức hoàn thành 10 quyển *Man thư*, nhờ Tương Châu Tiết độ áp nha là Trương Thủ Trung dâng lên hoàng đế nhà Đường.

Sử liệu 1: *Man thư*, Q.9 (1).

[Trước đây] Triều đình sai sứ đến Vân Nam, Nam Chiếu thường nghênh tiếp, tiễn sứ giả ra ngoài xa. Nhiều năm trở lại đây, do trưởng lại hai đất Ung, Giao hà khắc tàn bạo, tự ý giết người vô tội, làm chúng Man đến cáo oan [với Nam Chiếu], nhân đó Nam Chiếu thường đến đánh cướp. Thần [Phan Xước] phục mong hoàng đế trưng

* Th.S. Khoa Đông Phương học - ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN

phát đại quân, khôi phục lại đất cũ. 34 châu ki mi thuộc quản lý của Dung châu Kinh lược sứ phục xin để An Nam Đại thủ lĩnh làm thứ sử, Vũ Định châu xin để Đại thủ lĩnh làm trưởng lại. Trước đây, các đời Kinh lược sứ thường niệm tình thân thuộc, tấu xin cho bọn nguyên tùng, áp nha làm thứ sử, thân e rằng không ổn. Thần [Phàn Xước] trộm biết, cố An Nam tiền Tiết độ sứ Triệu Xương, sửa sang việc Giao Chỉ tổng cộng 13 năm, đến nay vẫn để lại lòng ái ngưỡng nơi các bậc bề tôi, làm cho trong cõi vô sự. Khi đó, [Triệu Xương] lấy Đô áp nha Đỗ Anh Sách làm Chiêu thảo Phó sứ, “nhập viện phán án”, mỗi tháng cấp cho lương tiền 70 quan; lấy “kỳ khách” Trương Chu làm An Nam Kinh lược Phán quan, sau lại cử Trương Chu làm Đô hộ. Từ khi Lý Tượng Cổ nhậm chức An Nam Kinh lược sứ, tự ý tham lam tàn hại, dẫn đến việc động binh. Tiếp đó lại có Lý Trác háo sát, làm cho sinh linh chịu hại. Nếu không phải do người trưởng lại, thì làm sao có chuyện người ta làm can.

Trong đoạn ghi chép ở trên, đánh giá chính sách cai trị của nhà Đường tại An Nam, Phàn Xước nhận xét: đối với các châu ki mi, các đời Kinh lược sứ trở về trước thường xin triều đình phong cho bọn tùng thân cận (nguyên tùng), áp nha làm thứ sử. Phàn Xước cho rằng đây là một nguyên nhân gây ra tình hình bất ổn. Để so sánh, Phàn Xước nêu lên trường hợp của An Nam Đô hộ Triệu Xương. Triệu Xương là viên đô hộ nổi tiếng đã cai trị An Nam vô sự trong suốt 13 năm. Theo Phàn Xước, đó một phần là nhờ việc Triệu Xương đã biết trọng dụng một viên Đô áp nha là Đỗ Anh Sách.

Theo *Tân Đường thư* (Liệt truyện, Q.129), Đỗ Anh Sách vốn là một “khê động hào” (2), tức là một thủ lĩnh miền núi có

thế lực. Đoạn ghi chép của *Man thư* cho chúng ta biết trong thời gian làm An Nam Đô hộ Kinh lược Chiêu thảo sứ, Triệu Xương đã cất nhắc Đỗ Anh Sách từ một viên Đô áp nha lên đến chức Chiêu thảo Phó sứ. Theo *Tân Đường thư* (Q.49 Hạ, Bách quan chí), Chiêu thảo sứ nắm giữ việc “chinh phạt” (“nguyên súy, đô thống, chiêu thảo sứ chưởng chinh phạt” (3). Về mặt quân sự, có thể nói chức vụ của Đỗ Anh Sách chỉ đứng sau mình Triệu Xương trong chính quyền đô hộ.

Ngoài chức Chiêu thảo Phó sứ, Đỗ Anh Sách còn làm “nhập viện phán án”. Trong các tư liệu về hệ thống quan chế đời Đường còn lại ngày nay, không thấy nhắc đến chức danh “nhập viện phán án” (4). Tuy nhiên, theo *Khang Hy tự điển*, một trong các nghĩa của “viện” là chỉ dinh quan (“quan giải viết viện” (5). Thời Đường, trị sở của Tiết độ sứ được gọi là “sứ viện”. Ví dụ, *Tư trị thông giám* (Q.257, Đường kỷ, Hy Tông) viết: “Sứ viện, Tiết độ sứ ty quan thuộc trị sự chi sở” (6), tức là “Sứ viện là nơi trị sự của các quan thuộc quyền quản lý của Tiết độ sứ”. Trong khi đó, từ đời Đường Túc Tông (756-762), An Nam Kinh lược sứ đã được đặt thành một Tiết độ sứ (“An Nam kinh lược sứ vi tiết độ sứ, lĩnh Giao Lục đẳng thập nhị châu” (7). Do vậy, trị sở của An Nam Kinh lược sứ cũng có thể gọi là “sứ viện”, có thể hiểu “nhập viện” chỉ việc vào làm việc tại trị sở của An Nam Kinh lược sứ, tức phủ thành đô hộ.

Mặt khác, “phán án” đời Đường chỉ các giấy tờ do phán quan, chức quan đứng thứ ba trong hệ thống tứ đẳng quan (trưởng quan, thông phán quan, phán quan, chủ điển) đóng dấu. Ví dụ, sách *Đường luật sở nghị* có viết:

Sử liệu 2: *Đường luật sở nghị*, Q.15,

Điều 213 (8).

Phàm giám lâm chủ thủ [quan trông coi của công] mà lấy của công cho vay việc tư, nếu người cho vay và người vay không có “văn kí” thì luận [hình phạt] theo tội “cướp”. Nếu có “văn kí” thì luận [hình phạt] chuẩn theo tội “cướp”. “Văn kí” tức là loại giấy tờ kí tắt. Nếu có lập “phán án” thì giảm 2 cấp.

Người được cho vay nếu không có khả năng bồi thường thì thu của viên quan đã đóng dấu, ký cho vay. Việc vay của công ở điều luật bên dưới cũng theo cách làm này.

Số bản: quan coi của công mà lấy của công cho vay, “người được cho vay nếu không có khả năng bồi thường” tức là [người được cho vay] không có vật để nộp trả lại thì sẽ thu của viên quan đã đóng dấu, ký cho vay. “Phán án” tức là loại [giấy tờ] của phán quan, “thụ án” tức là loại [giấy tờ] của chủ diễn và giám sự.

Như vậy, theo *Đường luật sơ nghị*, trong hệ thống pháp luật đời Đường, “phán án” là thuật ngữ chỉ loại giấy tờ của phán quan. Đỗ Anh Sách như vậy đã vào phục vụ trong trị sở của An Nam Đô hộ (nhập viện), đồng thời được Triệu Xương tín nhiệm giao cho phụ trách các loại giấy tờ tương đương với chức phán quan, mỗi tháng cấp cho 70 quan tiền lương.

Trong thời gian phục vụ ở phủ thành, Đỗ Anh Sách đã xây dựng được mối quan hệ với các quan lại người Hán dưới quyền Triệu Xương, đặc biệt với một nhân vật tên là Trương Chu. Theo *Man thư* (dẫn ở trên), Trương Chu vốn là một thực khách (“kỳ khách”) của Triệu Xương. Theo mộ chí của Trương Chu do Liễu Tông Nguyên viết (9), dưới quyền Triệu Xương, Trương Chu đã kinh qua các chức An Nam Kinh lược tuần

quan (10), An Nam Phó đô hộ, Kinh lược Phó sứ. Như vậy là dưới quyền Kinh lược Chiêu thảo sứ Triệu Xương, Trương Chu và Đỗ Anh Sách, một người làm Kinh lược Phó sứ, một kẻ làm Chiêu thảo Phó sứ. Mối quan hệ với Trương Chu trong thời kỳ này giúp Đỗ Anh Sách tiếp tục thăng tiến sau này.

Tháng 4 năm Nguyên Hòa nguyên niên (806), được sự tiến cử của Triệu Xương, Kinh lược phó sứ Trương Chu được thăng làm An Nam Đô hộ, bản quán Kinh lược sứ, thay thế cho Triệu Xương lúc này được nhà Đường chuyển làm Quảng châu Thứ sử, Lĩnh Nam Tiết độ sứ (11). Dưới thời Trương Chu, Đỗ Anh Sách tiếp tục được thăng làm An Nam Đô tri Bình mã sử kiêm áp nha, An Nam Phó đô hộ. Như vậy, Đỗ Anh Sách tiếp tục được trọng dụng dưới thời Đô hộ Trương Chu, trở thành người có quyền lực số hai trong bộ máy cai trị của nhà Đường ở An Nam.

Sử liệu 3: *Đường hội yếu*, Q. 73, An Nam Đô hộ phủ (12).

Tháng 8 năm Nguyên Hòa 4 [809], An Nam Đô hộ [Trương Chu] tấu: phá quân Hoàn Vương ngụy hiệu là ái châu Đô thống hơn 30 vạn người, bắt được vương tử 59 người, khí giới, chiến thuyền, voi chiến. Tháng 9 năm ấy, bọn An Nam Đô tri Bình mã sử kiêm áp nha An Nam Phó đô hộ Đỗ Anh Sách 50 người làm bản tấu lên triều đình nêu chính tích của bản quán Kinh lược Chiêu thảo xử trí đẳng sứ kiêm An Nam Đô hộ Trương Chu kể từ khi đến nhậm chức. An Nam La thành trước đây do Kinh lược sứ Trương Bá Nghi đắp. Khi đó, trăm họ giống như giặc cướp, [thành] chỉ cao có mấy thước, lại rất chật hẹp. Từ khi Trương Chu đến nhậm chức, nhân sau lúc nông nhàn, tấu xin xây cất thành hiện nay. [Lược 1 đoạn] Đời Kinh lược sứ Bùi Thái trước đây thành trì Hoan, Ái bị Hoàn

Vương Côn Lôn thiếu hủ chấy trụi cả. Từ sau khi Trương Chu đến nhậm chức, năm trước xây thành Hoan châu, năm ngoài đắp thành Ái châu. Thời Bùi Thái, không giữ quân thành, trong quân mất mát hết khí giới. Triệu Xương đến nhậm chức không được bao lâu lại quay về nhận chức ở Quảng châu. Từ khi Trương Chu đến nhậm chức, các đạo xin đến mua bán, mỗi tháng chế tạo 8 nghìn khí giới. Bốn năm trở lại đây, tổng cộng làm được hơn 40 vạn. Ở hai bên tả hữu Đại sảnh, lập Giáp trượng lâu 40 gian để cất giữ [khí giới]. Khi giặc rợ An Nam đến cướp, khó lợi về mặt chiến đấu. [VI] Trước đây chiến thuyền có không quá mười mấy chiếc, lại rất chậm chạp, không thể tiếp cận được thuyền giặc. Trương Chu tự mình sáng chế ra Mông đồng thuyền hơn 400 chiếc. Mỗi thuyền có 25 lính, 32 tay chèo, 1 cỗ máy nổ, 1 cỗ lương cung nổ. Mũi chèo đưa ra từ trong thuyền, khi muốn quay thuyền thì [tay chèo] quay lưng lại, đi lại như bay. Sắc chỉ lệnh chuyển bản tấu cho sở ty.

Theo bản tấu lên triều đình nhà Đường của Phó Đô hộ Đỗ Anh Sách vào tháng 9 năm Nguyên Hòa 4 (809), sau khi tiếp quản chức An Nam Đô hộ, Trương Chu đã tiến hành nhiều cải cách nhằm củng cố chính quyền đô hộ. Nhân lúc nông nhàn, Trương Chu cho xây mới thành Đại La, xây dựng lại hai thành Hoan châu và Ái châu vốn bị Hoàn vương (Lâm Ấp) phá hủy dưới thời Đô hộ Bùi Thái. Về mặt quân sự, theo Đỗ Anh Sách, từ khi đến nhậm chức, Trương Chu đã cho chế tạo mỗi tháng 8000 khí trượng, đồng thời xây dựng một đội binh thuyền sử dụng loại thuyền chiến mới là "Mông đồng thuyền". Mỗi thuyền mông đồng có 25 lính, 32 tay chèo, được trang bị một cỗ máy nổ ("xa nổ"), một cỗ "lương cung nổ", có khả năng cơ động cao. Nhờ vào

những thay đổi tích cực này, năm Nguyên Hòa 8 (813), Trương Chu đã đánh bại quân đội Hoàn vương (theo bản tấu thì quân số lên đến 30 vạn), khôi phục lại hai châu Hoan, Ái đã bị Hoàn Vương đánh chiếm dưới thời Đô hộ Bùi Thái. Việc Đỗ Anh Sách đứng tên trong bản tấu ca ngợi công tích của Trương Chu cho thấy mối quan hệ khăng khít giữa hai nhân vật này. Tuy có thể có những điểm khoa trương nhưng bản tấu này ít nhiều cũng phản ánh được những thay đổi lớn ở An Nam dưới thời Trương Chu, mà phía sau đó, chúng ta có thể tưởng định được sự hỗ trợ không nhỏ của Đỗ Anh Sách, với tư cách là một viên Phó đô hộ.

Sau Trương Chu, chúng ta còn thấy Đỗ Anh Sách đã phục vụ dưới trướng của An Nam Đô hộ Bùi Hành Lập. Theo *Cựu Đường thư* (Bản kỷ, Q.15, Tuyên Tông hạ), Bùi Hành Lập được cử sang làm An Nam Đô hộ, bản quản Kinh lược Chiêu thảo sứ năm Nguyên Hòa 8 (813). *Tân Đường thư* (Liệt truyện, Q.129) chép khi một người Lâm Ấp tên là Lý Lạc Sơn làm phản Hoàn Vương đến cầu viện binh, để lấy lòng Hoàn vương, Hành Lập đã sai "bộ tướng" Đỗ Anh Sách chém Lý Lạc Sơn (13).

Qua các nguồn tư liệu nêu trên, có thể thấy Đỗ Anh Sách là một thủ lĩnh địa phương đã làm việc cho ba đời đô hộ, có những lúc đã nắm được chức Phó Đô hộ ở An Nam Đô hộ phủ. Trên cơ sở những thông tin đó, chúng tôi đặc biệt chú ý đến nội dung bài minh khắc trên chuông Thanh Mai. Theo chúng tôi, nguồn tư liệu kim thạch văn này có thể cung cấp cho chúng ta thêm một số thông tin về Đỗ Anh Sách.

Như chúng ta đã biết, chuông Thanh Mai được phát hiện ở độ sâu 3,5m tại ở bãi Rỗng, ven sông Đáy, thuộc thôn Thanh Mai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay là

Hà Nội) vào tháng 5 năm 1986. Bài minh trên chuông Thanh Mai là nguồn tư liệu kim thạch văn hiện còn cổ thứ hai ở Việt Nam (sau bia Đại Tùỳ Cửu Chân quận Bảo An đạo tràng lập năm 618). Bản dập do Đinh Khắc Thuân dập hiện nay được lưu giữ tại Viện nghiên cứu Hán Nôm với ký hiệu 30270. Bài minh cho biết ngày 30 tháng 3 năm Trinh Nguyên 14 (798), 53 thành viên của một tổ chức gọi là “Tùỳ Hỉ xã” đã tiến hành đúc quả chuông đồng nặng 90 cân để cúng lễ. Bài minh liệt kê tên họ của cả thầy 243 người, bao gồm các thành viên của Tùỳ Hỉ xã cũng như những người ngoài xã đã đóng góp để đúc chuông. Trong số tên người khắc trên chuông, chúng tôi đặc biệt lưu ý đến nhân vật sau:

Kinh lược tiên phong Bình mã sử, Nghĩa quân Đô tri Bình mã sử, tiên hiệp Ái châu Thứ sử, Triều nghị lang, Sứ tri tiết Trường châu Chư quân sự, thủ Trường châu Thứ sử, hựu thủ Quận châu Du môn sử, Thượng trụ quốc, tử tử kim ngư đại Đỗ Anh (14).

Trước tiên, cần lưu ý rằng bài minh được khắc vào niên hiệu Trinh Nguyên 14 (798), tức là trong thời kỳ Triệu Xương làm An Nam Đô hộ. Như chúng ta đã biết, Triệu Xương làm An Nam Đô hộ tổng cộng 13 năm, được chia làm hai giai đoạn. Giai đoạn đầu kéo dài 9 năm, bắt đầu từ tháng 7 năm Trinh Nguyên 7 đến tháng 5 năm Trinh Nguyên 18, sau đó vì đau chân nên Triệu Xương xin nghỉ và được thay thế bởi Tư bộ Viên ngoại lang Bùi Thái. Sau khi Bùi Thái thất bại trong chính sách cai trị ở An Nam (bị một viên nha tướng là Vương Quý Nguyên đuổi khỏi phủ thành, sau phải nhờ Tả bình mã sử Triệu Quán giết Vương Quý Nguyên mới quay lại được phủ đô hộ) (15), tháng 3 năm Trinh Nguyên 20, Triệu Xương lại được cử sang làm An Nam Đô hộ được 2 năm rồi giao lại chức Đô hộ cho Trương Chu.

Quay trở lại với nhân vật “Đỗ Anh” trong bài minh chuông Thanh Mai, tuy chữ cuối cùng trong họ tên bị mờ không còn đọc được (16), nhưng căn cứ vào vai trò của Đỗ Anh Sách dưới thời Triệu Xương, có nhiều khả năng nhân vật “Đỗ Anh” chính là Đỗ Anh Sách. Nếu giả thuyết này là đúng, chúng ta có thêm một số thông tin về Đỗ Anh Sách. Trước khi được Triệu Xương bổ nhiệm làm Chiêu thảo Phó sứ, Đỗ Anh Sách đã kinh qua chức Kinh lược Tiên phong Bình mã sử. Đỗ Anh Sách còn là chỉ huy (Đô tri Bình mã sử) một phiên hiệu quân gọi là “Nghĩa quân”. Tên gọi “Nghĩa quân” làm chúng ta không khỏi liên hệ đến “Nghĩa doanh”, một tên gọi quân địa phương dưới thời Đường. Theo *Tân Đường thư* (Liệt truyện, Q.224 hạ), dưới quyền Cao Biền ngoài quân chính qui (“quan quân”) còn có quân “nghĩa doanh”, “hương đoàn” (“liệu chiếu Biền liệu quan quân, nghĩa doanh, hương đoàn” (17)). Ngoài ra, nếu tham khảo chức “Thổ quân Bình mã sử” của Đỗ Tôn Thành (sẽ trình bày ở phần sau), nhiều khả năng Nghĩa quân là một đơn vị quân bản bộ của Đỗ Anh Sách.

Từ nội dung bài minh, có thể suy ra thời điểm Đỗ Anh Sách được phong làm An Nam Chiêu thảo Phó sứ. Nó phải muộn hơn thời điểm đúc chuông Thanh Mai, tức là sau tháng 3 năm Trinh Nguyên 14 (798) (18). Ngoài ra, bài minh cung cấp một số căn cứ giúp trả lời câu hỏi Đỗ Anh Sách là thủ lĩnh ở địa phương nào. Theo bài minh, Đỗ Anh Sách có liên quan đến ba địa phương là Ái châu, Trường châu và Quận châu. Tuy nhiên, theo chúng tôi, chắc hẳn Đỗ Anh Sách là thủ lĩnh ở khu vực Trường châu, thuộc địa phận Ninh Bình ngày nay. Đó là vì:

Thứ nhất, chức vụ “Ái châu Thứ sử” của Đỗ Anh Sách chỉ là chức vụ kiêm nhiệm

("nhiep").

Thứ hai, trong bốn chức vụ của Đỗ Anh Sách, chúng ta thấy Đỗ Anh Sách nắm hai chức liên quan trực tiếp đến việc cai quản Trường châu là "Sứ tri tiết Trường châu Chư quân sự" và "Trường châu Thứ sử". Trong khi đó, Trường châu lại là một đơn vị hành chính khá đặc biệt. *Nguyên hòa quận huyện chí* khi giải thích về huyện Nam Định thuộc Giao châu đã cung cấp cho chúng ta một số thông tin về Trường châu như sau:

Sử liệu 4: *Nguyên hòa quận huyện chí*, Q.38 (19).

Huyện Nam Định (hạng trung-hạ, di về phía Đông Bắc 60 lý đến phủ thành).

Nguyên là đất huyện Luy Lâu đời Hán. Năm Trinh Nguyên 7 (791) đặt Nam Định huyện ở đây. Cựu Nam Định huyện hiện giờ tại vị trí cách kim huyện hơn 200 lý về phía Đông Nam, cạnh châu ki mi Trường châu. (Cựu huyện Nam Định) bị bỏ sau năm Khai Nguyên 10.

Như vậy, huyện Nam Định được đặt năm Trinh Nguyên 7 (791) vốn là đất Luy Lâu đời Hán, "cựu huyện Nam Định" thì nằm ở phía Đông Nam "kim huyện" hơn 200 lý, cạnh châu ki mi Trường châu. Theo đó, chúng ta biết được rằng muộn nhất là tới đầu niên hiệu Nguyên Hòa (20), Trường châu đã trở thành một châu ki mi, không còn chịu sự quản lý trực tiếp của chính quyền đô hộ. Mặt khác, đoạn ghi chép của *Man thư* dẫn ở đầu bài viết gián tiếp cho chúng ta thấy An Nam Đô hộ Triệu Xương có xu hướng sử dụng các thủ lĩnh địa phương làm thứ sử cho các châu ki mi. Do đó, nếu Đỗ Anh Sách làm thứ sử ở Trường châu thì có nhiều khả năng Đỗ Anh Sách là một thủ lĩnh có thế lực ở khu vực này.

Ngoài Ái châu và Trường châu, Đỗ Anh Sách còn làm Du bôn sứ cho Quận châu. Theo *Tân Đường thư*, Q.43 hạ, Ki mi châu, Quận châu cũng là một châu ki mi thuộc An Nam đô hộ phủ. Theo *Nguyên hòa quận huyện chí*, Q.38 thì Quận châu nằm ở phía Đông Nam phủ thành, cách khoảng 195 lý. Do đó, nhiều khả năng Quận châu là một châu ki mi nằm bên cạnh Trường châu.

Dựa vào những điểm nêu trên, có thể suy đoán rằng Đỗ Anh Sách là một thủ lĩnh địa phương có thế lực ở Trường châu, do đó mới được Triệu Xương phong làm Trường châu Thứ sử, đồng thời Triệu Xương cũng muốn lợi dụng ảnh hưởng của Đỗ Anh Sách để kiểm soát các khu vực lân cận, trong đó có Quận châu. Về vị trí địa lý của Trường châu, chúng tôi tán thành quan điểm của Thiệu Đình Đặng Xuân Bảng và GS. Đào Duy Anh cho rằng Trường châu nằm ở khu vực Ninh Bình ngày nay. Như hai học giả đã trích dẫn, theo sách *Tục tư trị thông giám trường biên* (Q.31, Tống Thái Tông) (21), thời Tiền Lê, sứ giả nhà Tống là Tống Cảo khi đi sứ sang nước ta đã đi đường thủy qua cửa sông Bạch Đằng vào nội địa, sau đó đến Trường châu nằm gần kinh đô Hoa Lư của Lê Hoàn (22).

Từ các nguồn tư liệu nói trên, chúng ta có thể thấy Đỗ Anh Sách trước hết là một tù trưởng địa phương có thế lực, đặc biệt là về mặt quân sự. Điều đó thể hiện qua vị trí của Đỗ Anh Sách trong chính quyền đô hộ như Chiêu thảo Phó sứ, Tiên phong bình mã sứ, Nghĩa quân Đô tri Bình mã sứ, bộ tướng... Chúng ta cần nhớ rằng, sau khi nhậm chức Đô hộ, Triệu Xương một mặt phải ổn định tình hình An Nam sau khởi nghĩa Phùng Hưng, một mặt phải giải quyết vấn đề Nam Chiếu (23), viên Đô hộ tiếp theo là Trương Chu phải đối phó với thế lực Lâm Ấp ở phía Nam. Trong bối

cảnh loạn lạc như vậy, các viên Đô hộ nhà Đường hiển nhiên phải tận dụng lực lượng quân sự của các thủ lĩnh địa phương như Đỗ Anh Sách để củng cố bộ máy cai trị của mình. Trong quá trình đó, Đỗ Anh Sách đã được triệu về phủ thành để làm việc. Về điểm này, chúng ta cũng nhận thấy sự tương đồng với trường hợp của các thủ lĩnh Phạm Đình Chi và Dương Thanh.

Phạm Đình Chi là một tù trưởng miền núi (khê động hào) được Đô hộ Bùi Hành Lập sử dụng cùng thời với Đỗ Anh Sách. Phạm Đình Chi thường xin Bùi Hành Lập nghỉ phép (hưu mục) (24) nhưng không quay lại đúng hẹn. Sau nhiều lần như vậy, Bùi Hành Lập lấy quân pháp xử phạt, đem giết Phạm Đình Chi, sau đó lại chọn trong số bọn tử đệ của Đình Chi một người để thay thế. Qua đó, chúng ta biết được rằng đã có sự hợp tác giữa dòng họ Phạm với chính quyền đô hộ của Bùi Hành Lập. Giống như Đỗ Anh Sách, Phạm Đình Chi cũng bị ràng buộc phải có mặt ở trị sở của An Nam Đô hộ (25).

Ngoài ra còn có Dương Thanh là thủ lĩnh địa phương ("man tù", "Nam phương tù hào") đã lãnh đạo cuộc nổi dậy chống lại Đô hộ Lý Tượng Cổ năm Nguyên Hòa 14 (816). Theo chính sử Trung Quốc, trước khi cuộc phản loạn nổ ra, An Nam Đô hộ Lý Tượng Cổ vì "sợ" ("ác Thanh chi cường", *Cựu Đường thư*, Liệt truyện, Q.131) (26), "úy kị" ("kị kỳ hào", *Tân Đường thư*, Liệt truyện, Q.80) (27) thế lực của Dương Thanh, lúc đó làm Hoan châu Thứ sử nên đã triệu Thanh về phủ thành làm "nha môn tướng". Qua trường hợp của Dương Thanh, chúng ta biết được rằng việc các viên Đô hộ nhà Đường đưa các thủ lĩnh địa phương về phủ thành có 2 mục đích: một mặt chúng muốn lợi dụng uy tín và ảnh hưởng của các thủ lĩnh này để tăng cường

sức mạnh của chính quyền đô hộ, mặt khác đây cũng là một hình thức giám sát để kiểm chế thế lực của họ.

2. Về thủ lĩnh Đỗ Anh Hàn và những nhân vật Đỗ Anh khác

Trên đây, chúng tôi đã làm rõ xuất thân cũng như hoạt động của Đỗ Anh Sách, một thủ lĩnh địa phương ở An Nam cuối thế kỷ VIII, đầu thế kỷ IX. Cùng với Đỗ Anh Sách, chúng tôi muốn lưu ý đến sự tồn tại của một số người có họ tên mang chữ Đỗ Anh sống cùng thời. Trước tiên, bài minh trên chuông Thanh Mai cho chúng ta biết ngoài Đỗ Anh Sách còn có một nhân vật nữa cũng có tên Đỗ Anh là Đỗ Anh Cường. Ngoài ra, ngay trước thời kỳ Đỗ Anh Sách hoạt động, chúng ta biết rằng có một nhân vật tên là Đỗ Anh Hàn đã tham gia cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng.

Ở đây, chúng tôi muốn phân tích thêm về xuất thân và vai trò của Đỗ Anh Hàn trong cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng. Khi đề cập đến cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng, các nghiên cứu trước đây thường có xu hướng sử dụng ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư* (ĐVSKTT), đặc biệt là bản dịch của Nxb. Khoa học xã hội, qua đó miêu tả Đỗ Anh Hàn một cách rất mờ nhạt như là một "người cùng làng" và là một quân sư của Phùng Hưng. Tuy nhiên, trong quá trình thu thập tư liệu, chúng tôi cho rằng cách tiếp cận như vậy có một số vấn đề. Thứ nhất, khi dịch sang chữ quốc ngữ, liệu bản dịch của Nxb. Khoa học xã hội đã phản ánh hết những thông tin của nguyên bản chữ Hán của ĐVSKTT hay chưa. Thứ hai, không thể dễ dàng sử dụng ghi chép của ĐVSKTT một khi chưa tiến hành phê phán giá trị về mặt sử liệu của nó trên cơ sở so sánh với các nguồn tư liệu cổ hơn là *Việt điện u linh tập* (VBUL) cũng như các nguồn tài liệu Trung Quốc.

Về giá trị sử liệu của *VDUL*, tuy các bản *VDUL* còn lại ngày nay đều đã trải qua quá trình biên soạn hết sức phức tạp, nhưng ít nhất vào thời điểm hiện nay, các học giả đều thống nhất rằng truyện *Bố Cái Đại Vương* là một trong những truyện gốc do Lý Tế Xuyên biên soạn vào đời Trần (28). Khác với một số truyện sử dụng nguồn tư liệu thần phả, Lý Tế Xuyên đã viết truyện *Bố Cái Đại Vương* trên cơ sở một nguồn tài liệu là *Triệu công Giao châu ký* hoặc *Triệu vương Giao châu ký* (29). Sách *Giao châu ký* của ông họ Triệu (Triệu công) không còn, nhưng qua bài minh trên quả chuông Bạch Hạc Thông thiên quán do đạo sỹ Hứa Tông Đạo soạn năm Đại Khánh 8 (1239), chúng ta biết rằng *Triệu công Giao châu ký* là một cuốn sách khá phổ biến vào thời Trần. Về tác giả Triệu công, Lê Hữu Mục đã đưa ra một giả thuyết rất đáng chú ý. Căn cứ vào ghi chép sau của *Việt sử thông giám cương mục* (VSTGCM) (thực tế là trích lại từ *An Nam kỷ yếu* hay *An Nam chí* của Cao Hùng Trưng), Lê Hữu Mục cho rằng *Triệu công Giao Châu ký* chính là sách *Phủ chí* (30) do An Nam Đô hộ Triệu Xương soạn (31).

Sử liệu 5: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Q.4.

Theo sách *An Nam kỷ yếu*, bấy giờ Giao châu chưa yên, Triệu Xương đến nơi, vỗ về phủ dụ, lòng dân mới yên. Triệu Xương sai sứ đến dụ Phùng An, Phùng An đem quân ra hàng, Triệu Xương được phong làm Kinh lược Chiêu thảo xứ trí sứ. Triệu Xương đắp thêm La Thành, đi thăm khắp nơi núi sông danh thắng, cổ tích, đền miếu ở các đô quận, chép làm sách *Phủ chí*.

Chúng tôi cũng nghiêng về giả thuyết của Lê Hữu Mục vì:

Thứ nhất, việc coi Triệu Xương là tác giả

Triệu công Giao Châu ký về mặt niên đại không mâu thuẫn với những nội dung mà chúng ta biết được về tài liệu này. Hiện tại, chúng ta biết được rằng *Triệu công Giao châu ký* viết về các sự kiện xảy ra dưới các niên hiệu Vĩnh Huy (truyện thần Bạch Hạc - Trưng dục vũ phụ uy linh vương, *VDUL*; chuông Bạch Hạc thông thiên quán), Trinh Nguyên (truyện *Bố Cái đại vương*, *VDUL*) nhà Đường, tức là trước hoặc cùng thời với Triệu Xương.

Thứ hai, trong điều kiện tư liệu hiện nay, chúng ta chỉ xác định được duy nhất một nhân vật họ Triệu có sách viết về Giao châu là Triệu Xương. Thêm vào đó, việc gọi một viên Đô hộ nhà Đường là “Triệu vương” cũng không có gì mâu thuẫn. Chiếu dời đô của Lý Công Uẩn cũng gọi Cao Biền là “Cao vương”.

Thứ ba, có thể tham khảo trường hợp *Tăng công Giao châu ký*. Ngoài *Triệu công Giao châu ký*, trong *VDUL*, Lý Tế Xuyên còn sử dụng sách *Giao châu ký* của Tăng công. Trong trường hợp này, có thể xác định chính xác Tăng công là An Nam Đô hộ Tăng Cồn, vì *Việt sử lược* có chép Tăng Cồn soạn 1 thiên *Giao châu ký*. Như vậy, chúng ta biết được rằng trong các thư viện thời Trần vẫn còn lưu giữ được một số cuốn sách của các viên An Nam Đô hộ đời Đường. Ngoài ra, cũng cần lưu ý rằng sách *Giao châu ký* của Tăng Cồn cũng xuất phát từ một tài liệu thuộc dạng chí. Trong *Văn đài loại ngữ* (Khu vũ III, điều 66), Lê Quý Đôn trích dẫn *Phiên ngưng tạp ký* của Trịnh Hùng đời Đường (hiện đã mất) cho biết Tăng Cồn là tác giả của sách *Việt chí*.

Tóm lại, mặc dù chưa thể khẳng định rõ ràng nhưng giả thuyết của Lê Hữu Mục không phải là không có cơ sở (32). Như chúng ta đã biết, sau khi Cao Chính Bình chết bệnh vào tháng 4 năm Trinh Nguyên

7 (791), tháng 7 cùng năm, Triệu Xương được bổ nhiệm làm An Nam Đô hộ, Kinh lược Chiêu thảo sứ và chính là người trực tiếp tiến hành chiêu hàng Phùng Hưng. Do đó, nếu quả thực *Triệu công Giao Châu ký* là sách do Triệu Xương viết, thì *VDUL* đã căn cứ vào một nguồn tài liệu đương thời có tính tin cậy cao để viết về cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng. Cho dù *Triệu công Giao châu ký* không phải là sách của Triệu Xương di nữa, ít nhất nó cũng là một tư liệu cổ hơn *ĐVSKTT*. Nếu bóc tách được nội dung của *Triệu công Giao châu ký* từ *VDUL*, chúng ta sẽ có được những thông tin có giá trị về khởi nghĩa Phùng Hưng.

Về nguồn tư liệu Trung Quốc liên quan đến khởi nghĩa Phùng Hưng, chúng ta có ghi chép trong các sách *Cựu Đường thư* do Lưu Hú đời Hậu Tấn biên soạn và hoàn thành năm 945 (Bản kỷ, Q.13), *Tân Đường thư*, phần Liệt truyện do Tống Kỳ đời Bắc Tống viết xong năm 1046 (Bản kỷ, Q.7; Liệt truyện, Q.170, Triệu Xương truyện), *Tư trị thông giám* của Tư Mã Quang hoàn thành năm 1084 (Q.233, Đường kỷ 49). Các ghi chép này đều có trước *ĐVSKTT*. Để tiện theo dõi, chúng tôi xin giới thiệu các ghi chép này bên dưới.

Sử liệu 6: Các tư liệu Trung Quốc về khởi nghĩa Phùng Hưng.

Cựu Đường thư, Bản kỷ, Q.13, Đức Tông hạ (33).

Mùa hạ, tháng 4, [lược 1 đoạn], Kỷ Mùi, An Nam thủ lĩnh Đỗ Anh Hàn phản, tấn công đô hộ phủ. Đô hộ Cao Chính Bình lo lắng mà chết.

Tân Đường thư, Bản kỷ, Q.7, Đức Tông (34).

Tháng 4, An Nam thủ lĩnh Đỗ Anh Hàn phản. Giết.

Tân Đường thư, Liệt truyện, Q.170, Triệu Xương (35).

Triệu Xương tự là Hồng Tộ, người Thiên Vinh. Ban đầu làm liệu thuộc của Chiêu Nghĩa Lý Thừa Chiêu Tiết độ sứ, dần được thăng làm Kiến châu Thứ sử. An nam tù lão Đỗ Anh Hàn làm phản, Đô hộ Cao Chính Bình lo lắng chuyện đó mà chết. Thăng Triệu Xương làm An Nam Đô hộ. Các bộ lạc Di đều quay về với triều đình, không dám nổi dậy nữa...

Tư trị thông giám, Q.233, Đường kỷ, Đức Tông (36).

An Nam Đô hộ Cao Chính Bình đánh thuế nặng. Mùa hạ tháng 4, bọn quần Man tù trưởng Đỗ Anh Hàn khởi binh vây đô hộ phủ. Chính Bình lo lắng mà chết.

Quay trở lại với vấn đề Đỗ Anh Hàn, so sánh *VDUL* và các tư liệu Trung Quốc với ghi chép của *ĐVSKTT*, chúng ta có được một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, trong các tài liệu của Trung Quốc không có một dòng nào viết về anh em Phùng Hưng, Phùng Hải mà chỉ nhắc đến Đỗ Anh Hàn như là người cầm đầu cuộc bao vây phủ thành đô hộ năm Trinh Nguyên 7 (791). Đỗ Anh Hàn được miêu tả với tư cách là “An Nam thủ lĩnh” (*Cựu Đường thư*), “An Nam tù lão” (*Tân Đường thư*), “Quần Man tù trưởng” (*Tư trị thông giám*), tức là một thủ lĩnh địa phương có thế lực lớn. Như vậy, phải giải thích như thế nào về mối liên hệ giữa thủ lĩnh Đỗ Anh Sách và thủ lĩnh Phùng Hưng, liệu họ có phải là hai thủ lĩnh “cùng làng” được hay không?

Thứ hai, *VDUL* chép rằng Phùng Hưng là một tù trưởng vùng biên cương ở “châu Đường Lâm” (“Đường Lâm châu biên khố di tù trưởng”), và “Đỗ Anh Hàn” là “Đường

Lâm nhân". Như vậy, theo *VBUL*, chỉ có thể hiểu Đỗ Anh Hàn là người sống cùng châu Đường Lâm với Phùng Hưng.

Mặt khác, nguyên bản chữ Hán của *ĐVSKTT* cũng không chép Đỗ Anh Hàn là "người cùng làng" mà chỉ ghi đơn giản là "bản hương nhân", tức là người cùng một hương với Phùng Hưng. Ở đây còn có vấn đề là: liệu các soạn giả của *ĐVSKTT* có được một nguồn cứ liệu gốc riêng để khẳng định Đỗ Anh Hàn là người cùng hương với Phùng Hưng hay không? Để làm rõ điều này, chúng ta hãy thử so sánh văn bản chữ Hán của *ĐVSKTT* và *VBUL*.

Sử liệu 7: *Viết điện u linh tập* và *Đại Việt sử ký toàn thư*.

VBUL, truyện Bối Cái đại vương.

1. Án Triệu vương Giao châu ký, Vương tính Phùng, danh Hưng, thế tập Đường Lâm châu biên khổ di tù trưởng, hiệu viết Quan lang (man tục kim tôn).

2. Gia tư hào hữu, lực thậm nhiều dũng, năng bác hổ bài ngư, kì đệ viết Hải, đệch hữu kiện lực, năng phụ thập thiên cân thạch, hoặc thiên học tiểu chu, hành thập dư lí, chư di lão giai úy kì danh yên.

3. Đường Đại Lịch trung, nhân ngã An Nam quân loạn, huynh đệ tương suất tuần chư hương ấp, giai hạ chi, sở chỉ vô bất phi mĩ, Hưng kí đặc chí, canh danh Cự Lão, Hải canh danh Cự Lực.

4. Hưng hiệu Đô Quân, Hải hiệu Đô Bảo. Dụng Đường Lâm nhân Đỗ Anh Luân (nhất tác Hàn) kế nghị, dĩ binh tuần hành Đường Lâm Trường Phong đẳng châu, giai qui chi, uy danh đại chấn, thanh ngôn dục đồ Đô phủ.

5. Thời Đô hộ Cao Chính Bình dĩ mạc hạ công chi bất khắc.

6. Ưu phần phát thư tốt,

7. Hưng nhập Đô phủ thị sự,

8. Thất niên hoăng, chúng dục lập Hải, kì phụ tá đầu mục Bồ Phá Lạc giả, lực năng bài sơn cử đỉnh, dũng lực tuyệt luân, cố ý bất tùng, nãi lập Hưng tử An, suất chúng cự Hải, Hải tị Bồ Phá Lạc, thiên Chu Nam động, hậu bất tri sở chung,

[Lược đoạn cuối]

Đại Việt sử ký toàn thư, Ngoại kỷ, Q.5, Thuộc Tùy Đường kỷ, tờ 6a-b

a. Tân Mùi (Đường Trinh Nguyên thất niên) xuân, An Nam Đô hộ phủ Cao Chính Bình vi chính trọng liêm, hạ tứ nguyệt Giao châu Đường lâm nhân (Đường Lâm tại Phúc Lộc huyện) Phùng Hưng khởi binh vi phủ, Chính Bình dĩ ưu tử.

b. Tiên thị, Phùng hưng hào phú hữu dũng lực, năng bài ngư bác hổ.

c. Ư Đường Đại Tông Đại Lịch trung, nhân Giao châu loạn, Hưng kì đệ Hải tương suất phục chư hương ấp,

d. Hưng hiệu Đô Quân, Hải hiệu Đô Bảo,

e. Dư Chính Bình tương công, cửu bất năng khắc,

f. Chí thị dụng bản hương nhân Đỗ Anh Hàn kế, suất chúng vi phủ,

g. Chính Bình ưu phần vi tậ, thư phát bối tử,

h. Hưng nhân cư phủ, trị vị kì tốt, tử An tôn vi Bối Cái đại vương (tục vị phụ viết Bối, mẫu viết Cái, cố dĩ vi danh yên), vương năng hiển linh dị, chúng dĩ vi thần, nãi ư Đô phủ chi tây, lập từ tuệ thời phụng tự, tức Phụ Hữu Chương Tín Sùng Bối Cái đại vương, kì thần từ kim tại Thịnh Quang phương tích diên đông tây,

Để tiện so sánh, trên đây, chúng tôi tách từng câu trong mỗi văn bản, đánh số 1, 2, 3 với *VDUL* và a, b, c với *ĐVSKTT*. Chúng ta thấy có sự giống nhau giữa b với 2, c với 3, d với 4, f với 5, g với 7, e với 6. Riêng câu a của *ĐVSKTT* giống với câu của *Tư trị thông giám* trong sử liệu 6. Như vậy, có thể nói ghi chép về xuất thân và diễn tiến cuộc khởi nghĩa của Phùng Hưng trong *ĐVSKTT* trên thực tế chỉ là biên soạn lại nội dung của *VDUL*, việc Đỗ Anh Hàn là “bản hương nhân” có khả năng chỉ là sự suy diễn của *ĐVSKTT*.

Qua những phân tích trên, chúng ta có thể có một cách giải thích khác các nghiên cứu trước đây về Đỗ Anh Hàn. Đỗ Anh Hàn là một thủ lĩnh địa phương sống cùng châu Đường Lâm với Phùng Hưng. Có thể Đỗ Anh Hàn đã theo về với Phùng Hưng trong quá trình anh em họ Phùng thu phục các hương ấp xung quanh. Trong giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa Đỗ Anh Hàn đã có vị trí cao trong bộ chỉ huy cuộc khởi nghĩa. Việc các nguồn tư liệu Trung Quốc chỉ chép về Đỗ Anh Hàn cho thấy chính quyền đô hộ biết đến Đỗ Anh Hàn nhiều hơn Phùng Hưng. Nếu tham khảo thêm trường hợp của Đỗ Anh Sách, có khả năng giống như Đỗ Anh Sách, Đỗ Anh Hàn cũng đã có thời gian làm việc cho chính quyền đô hộ.

Tiếp theo, về vai trò của Đỗ Anh Hàn trong cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng, *ĐVSKTT* chỉ chép vắn tắt: “Phùng Hưng dùng kế của người bản hương Đỗ Anh Hàn, xuất quân bao vây phủ thành. Chính Bình ưu phần thành bệch, phát nột ở lưng mà chết”. Tuy nhiên, *VDUL* cung cấp cho chúng ta một số thông tin cụ thể hơn:

Dùng kế của người Đường Lâm là Đỗ Anh Luân (có sách viết Hàn), lấy quân tuần hành “Đường Lâm Trường Phong” các châu, các nơi đều theo về, uy danh lừng lẫy.

Phao tin muốn đánh đô hộ phủ. Đô hộ lúc đó là Cao Chính Bình lấy quân dưới trưởng đánh không thắng được, lo lắng phát nột mà chết.

Theo đó, trước khi quân khởi nghĩa tiến hành bao vây phủ thành, Đỗ Anh Hàn chính là người đã hiến kế cho Phùng Hưng đưa quân “tuần hành” khu vực “Đường Lâm Trường Phong đẳng châu” để mở rộng lực lượng. Các bản dịch sang chữ quốc ngữ hiện nay của Lê Hữu Mục, Đinh Gia Khánh dịch cụm chữ Hán “Đường Lâm Trường Phong đẳng châu” thành “mấy châu Đường-lâm, Trường-phong” hoặc “các châu Đường Lâm, Trường Phong” (37). Tuy nhiên, việc dịch hai chữ “Trường Phong” thành tên một châu là không đúng vì trong hệ thống đơn vị hành chính của nhà Đường thời bấy giờ không tồn tại châu Trường Phong. Cụm chữ Hán trên dịch chính xác phải là các châu Đường Lâm, Trường (châu), Phong (châu).

Theo *Tân Đường thư*, Địa lí chí thì Trường châu là tên châu đặt ra vào thời Đường, đến năm Thiên Bảo nguyên niên (742) được đổi tên thành Văn Dương quận, sau đó đến năm Càn Nguyên nguyên niên (758) lại đổi thành tên cũ là Trường Châu. Lê Trắc trong *An Nam chí lược* ghi Trường Châu vào phần “Cổ châu danh”, nhờ đó chúng ta biết được rằng đến thời Trần, tên Trường Châu không còn được sử dụng. Việc *VDUL* nhắc đến địa danh cổ Trường châu là một minh chứng cho thấy nó đã căn cứ vào một nguồn tài liệu cổ, mà nhiều khả năng là *Triệu công Giao châu ký*.

Tóm lại, Đỗ Anh Hàn là người có công rất lớn trong cuộc khởi nghĩa của Phùng Hưng. Nhờ kế sách của Đỗ Anh Hàn, lực lượng của nghĩa quân không còn bó hẹp trong phạm vi của một châu - châu Đường Lâm, mà đã được mở rộng ra một khu vực

rộng lớn bao gồm các vùng Phong châu (Phú Thọ, Vĩnh Phúc) và Trường châu (Ninh Bình).

Cuối cùng, còn một vấn đề nữa là một thủ lĩnh được các nguồn tài liệu Trung Quốc nhấn mạnh như Đỗ Anh Hàn tại sao lại biến mất đột ngột như vậy. Để giải thích vấn đề này, chúng tôi muốn lưu ý đến ghi chép "An Nam thủ lĩnh Đỗ Anh Hàn phản, phục tru" của *Tân Đường thư* (sử liệu 6). Ắt

nhất là theo *Tân Đường thư*, thủ lĩnh Đỗ Anh Hàn đã bị giết ("phục tru"). Điều này dường như tương ứng với một sự kiện ghi chép trong *VĐUL*. *VĐUL* cho biết: khi Phùng Hưng định bao vây phủ thành đô hộ, Cao Chính Bình đã đem quân dưới trướng tấn công lực lượng khởi nghĩa nhưng không thành công. Có lẽ Đỗ Anh Hàn đã bị giết trong cuộc chiến đấu này.

(Còn nữa)

CHÚ THÍCH

(1). Phan Xước (soạn), Hướng Đạt (hiệu chú), *Man thư*, Nxb. Trung Hoa thư cục, 1962, tr. 227.

(2). *Tân Đường thư*, Liệt truyện, Q.129 viết "Anh Sách cập Phạm Đình Chi giả giới khê động hào giả". Âu Dương Tu, Tống Kỳ (soạn), *Tân Đường thư*, Nxb. Trung Hoa thư cục, tr. 4475.

(3). *Tân Đường thư*, sdd, tr. 1308.

(4). Ngoài ghi chép về Đỗ Anh Sách, "nhập viện phán án" đời Đường cũng được nhắc đến trong bài minh mộ Tả thập di Lễ quốc Khổng phủ quân, chép trong *Toàn Đường văn*, Q.812. Bản ảnh ấn *Toàn Đường văn*, Nxb. Trung Hoa thư cục, tr. 8544.

(5). *Khang Hy tự điển*, Nxb. Thượng Hải cổ tịch, 1996, tr. 1424.

(6). Từ Mã Quang (biên soạn), Hồ Tam Tỉnh (chú thích), *Tư trị thông giám*, Nxb. Trung Hoa thư cục, 1976, tr. 8352.

(7). *Tư trị thông giám*, Q.220, Túc Tông, sdd, tr. 7066.

(8). Trương Tôn Vô Kỵ (biên soạn), Lưu Tuấn Văn (diễm hiệu), *Đường luật sơ nghị*, Nxb. Trung Hoa thư cục, tr. 290-291.

(9). *Liễu Hà Đông tập*, Q.10. Liễu Tông Nguyên (soạn), *Liễu Hà Đông tập*, Nxb. Thế giới thư cục, tr. 101-103.

(10). Như đã trình bày ở trên, từ giữa thế kỷ VIII, An Nam Kinh lược sứ cũng trở thành một Tiết độ sứ, mà theo *Tân Đường thư*, Chí, Q.49 hạ, Bách quan chí (Sdd, tr.1309) thì dưới quyền Tiết độ sứ có 1 viên tuần quan.

(11). *Cựu Đường thư*, Q.14, Bản kỷ, Tuyên Tông thượng (sdd, tr.416).

(12). Vương Phổ (soạn), *Đường hội yếu*, Nxb. Trung Hoa thư cục, 1965, tr. 1321.

(13). *Tân Đường thư*, sdd, tr. 4475.

(14). Chúng tôi sử dụng văn bản chữ Hán của *Văn khố Hán Nôm Việt Nam Tập 1: Từ Bắc thuộc đến thời Lý*, có so sánh với bản dập No.30270 của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

(15). *Tư trị thông giám*, Q.236, Đường kỷ, Đức Tông, Sdd, tr. 7600.

(16). Đặng Kim Ngọc đọc tên người này thành Đỗ Anh Hàn. Tuy nhiên, nhìn chung, bản phiên âm của Đặng Kim Ngọc có nhiều nhầm lẫn. Ví dụ như "tứ tử kim ngư đại" đọc thiếu chữ "tử". Ngoài ra, khi nghiên cứu thác bản chuông Thanh Mai tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chúng tôi nhận thấy, chữ trên bản dập đã bị mờ không thể đọc rõ, góc phải dưới còn một nét chéo (丿). Bài viết của Đặng Kim Ngọc không in phần chữ Hán nên không rõ ông đọc thành chữ Hán nào, có lẽ là chữ Hán (蔡), nhưng ngược lại hoàn toàn có thể đọc thành chữ

Sách (Sách). Xem thêm Đặng Kim Ngọc, *Về quá trình đồng có niên đại "thuộc Đường" (thế kỷ VIII)*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* (252), 1990.

(17). Xin chú ý trên chuông Thanh Mai cũng xuất hiện đơn vị "hương đoàn", với Trần Tịch làm Đô Thập nhị hương đoàn đầu.

(18). Ngoài ra, qua bài minh chúng ta cũng biết được rằng vào thời điểm này, nhân vật số hai trong chính quyền đô hộ sau Triệu Xương là một người họ Đỗ: Phó Đỗ hộ sứ, tri tiết Quận châu chư quân sự, thủ Quận châu Thứ sử, sung bản châu Du sứ, Thượng trụ quốc, thường tử kim ngưu đại Đỗ Hoài Bích.

(19). Lý Cát Phủ (soạn), *Nguyên hòa quận huyện chí*, Nxb. Trung Hoa thư cục, 1963, tr. 958.

(20). Niên hiệu Nguyên Hòa bắt đầu vào năm 806. *Nguyên Hòa quận huyện chí* được hoàn thành vào khoảng năm Nguyên Hòa 8 (813).

(21). Tống Đào (soạn), *Tục tư trị thông giám trường biên*, Nxb. Trung Hoa thư cục, 1995, tr. 698.

(22). Đặng Xuân Bảng, *Sử học bị khảo*, Nxb. Văn hóa Thông tin Hà Nội, 1997, tr. 351; Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 45.

(23). Theo *Man thư*, trong quãng thời gian trước và sau năm Trinh Nguyên thứ 10, Triệu Xương tiến hành nhiều hoạt động ngoại giao nhằm hòa hoãn với vua Nam Chiếu là Mông Dị Mâu Tầm.

(24). Từ đời Hán, các quan vào túc trực trong cung cứ 10 ngày được nghỉ 1 ngày để đi tắm gội là hưu mục ("Hán chế tự tam tự lang dĩ thượng, nhập trực cấm trung giả, thập nhật nhất xuất hưu mục", *Tư trị thông giám*, Q.28, Hán kỷ). Nghỉ hưu mục là theo tục lệ đó, có nghĩa là xin nghỉ một thời gian ngắn.

(25). Tham khảo *Tân Đường thư*, Liệt truyện, Q.129. *Tân Đường thư*, sdd, tr. 4475.

(26). *Cựu Đường thư*, sdd, tr. 3641.

(27). *Tân Đường thư*, sdd, tr. 3583.

(28). Văn bản truyện Bô Cái đại vương trong các bản *VDUL* ngày nay được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm hầu như không khác nhau, ngoại trừ một số chữ viết nhầm, viết sai, viết thừa, viết thiếu trong quá trình sao chép.

(29). Ngoài truyện Bô Cái đại vương, Lý Tế Xuyên cũng sử dụng *Triệu công Giao châu ký* để viết truyện Trung dục uy hiễn đại vương.

(30). Một số bản *An Nam chí* chúng tôi xem được ở Viện Hán Nôm. Ví dụ như bản A.1733 ghi là *Phủ ký*.

(31). Xem Lê Hữu Mục, *Việt điện U linh*, Nxb. Khai Trí, 1961.

(32). Về các sách *Giao châu ký*, có thể tham khảo thêm bài viết của Trần Văn Giáp: *Một số tư liệu mới về cổ sử Việt Nam*, Sách "Vinh Lạc đại điển bản *Giao Châu ký*" mới bị phát hiện là một nguy thư (sách giả tạo), Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* (84), 1966.

(33). *Cựu Đường thư*, Bản kỷ, Quyển 13, sdd, tr. 372.

(34). *Cựu Đường thư*, Bản kỷ, Quyển 13, sdd, tr. 197.

(35). *Cựu Đường thư*, Bản kỷ, Quyển 13, sdd, tr. 5175.

(36). *Cựu Đường thư*, Bản kỷ, Quyển 13, sdd, tr. 7524.

(37). Lê Hữu Mục, sdd, tr. 26. Đinh Gia Khánh, Trịnh Đình Rư (dịch và chú thích), *Việt điện U linh*, Nxb. Văn học, 2001, tr. 44.